

TCVN 4277 : 1986

**MÂM CẶP BA CHẤU TỰ ĐỊNH TÂM –
KÍCH THƯỚC CƠ BẢN**

Self – Centering three jawed chucks - Basic dimensions

HÀ NỘI - 2008

Lời nói đầu

TCVN 4277 :1986 do Viện máy công cụ và dụng cụ - Bộ cơ khí và luyện kim biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ khoa học và Công nghệ) ban hành;

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Mâm cặp ba chấu tự định tâm

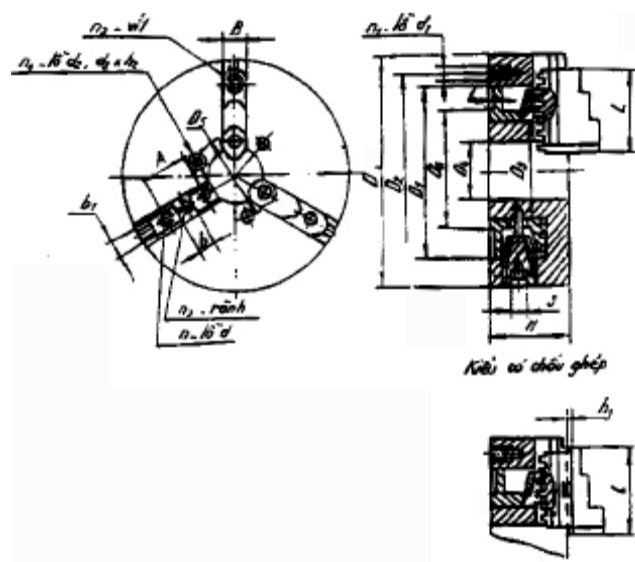
Kích thước cơ bản.

Self – Centering three jawed chucks - Basic dimensions.

1 Tiêu chuẩn này áp dụng các mâm cặp ba chấu tự định tâm thông dụng có chấu nguyên và chấu ghép.

Các mâm cặp được kẹp chặt trên đầu trục chính, qua bích nối theo TCVN 4278 : 1986

2 Kích thước cơ bản của mâm cặp phải theo chỉ dẫn trên Hình 1 và trong Bảng 1.



Hình 1

Bảng 1

D		D1	D2	D3	D4 không nhỏ hơn	D5	D6	D, không lớn hơn	L	H, không nhỏ hơn	b	b1	A	h	h1	h2	d cấp chín h xác 6H	d1 cấp chính xác 6H	d2	d3	L	S	Số lượng lỗ					Khối lượng kg
Chấu nguyên	Chấu ghép																						n	n1	n2	n3	n4	
80	-	55	66	33	16	-	38	12	32	50	-	-	-	-	-	-	-	M6	-	-	3	6	-	3		-	2,0	
100	-	72	86	38	20	-	45	15	42	55	-	-	-	-	-	-	-	M8	-	-	3	9	-	3		-	3,0	
125	-	95	108	50	25	-	60	20	51	60	-	-	-	-	-	-	-	M8	-	-	4	9	-	3		-	5,0	
160		130	142	75	40	70,6	86	28	70	65	-	-	-	-	-	-	-	M8	-	-	4	11	-	3			3	8,0
	160										12	12	40	5	3	9	M8	M8	11	18	4	11	2	3	2	1	3	
200		165	180	100	50	82,6	110	28	85	75	-	-	-	-	-	9	-	M10	11	18	4	11	-	3	-	-	3	15,0
	200										15	15	50	5	3	11	M10	M10	11	18	4	11	2	3	2	1	3	
250		210	226	125	65	104,8	142	36	105	85	-	-	-	-	-	11	-	M12	11	18	5	14	-	3	-	-	3	25,0
	250										20	20	65	7	3	11	M12	M12	11	18	5	14	2	3	2	1	3	
315		270	290	150	80	133,4	165	36	25	95	-	-	-	-	-	13	-	M12	13	20	5	14	-	-	-	-	3	45,0
	315										20	20	80	8	4	13	M12	M12	13	20	5	14	3	3	3	1	3	
400		340	368	200	100	171,4	210	46	145	105	-	-	-	-	-	17	-	M16	17	28	5	17	-	-	-	-	3	76,0
	400										25	25	95	9	4	17	M16	M16	17	28	5	17	3	3	3	1	3	
500		440	465	260	140	235	290	46	170	115	-	-	-	-	-	21	-	M16	19	30	6	17	-	6	-	-	3	140,0
	500								145		25	25	95	9	4	21	M16	M16	22	34	6	17	4	6	3	2	3	
630		560	595	360	190	330,2	390	60	225	125	-	-	-	-	-	25	-	M16	24	38	6	17	-	8	-	-	3	190,0
	630								160		30	30	95	9	4		M20		26	40			5			3		

CHÚ THÍCH: Ký hiệu quy ước của mâm cặp bao gồm: tên gọi, chữ N nếu là chấu nguyên hoặc chữ G nếu là chấu ghép;
đường kính ngoài; cấp chính xác; ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn này.

Ví dụ Ký hiệu quy ước của mâm cặp có chấu nguyên cấp chính xác III đường kính 100 mm

Mâm cặp N 100 III TCVN 4277 : 1986

Ví dụ ký hiệu quy ước cho mâm cặp có chấu ghép cấp chính xác II đường kính 200 mm

Mâm cặp C200II TCVN 4277 : 1986

3 Sai lệch vị trí của đường tâm lỗ d_1 và d_2 so với vị trí danh nghĩa:

$\pm 0,15$ mm đối với mâm cặp có đường kính D 500 mm

$\pm 0,20$ mm đối với mâm cặp có đường kính D 500 mm

4 Dung sai kích thước h ; h_1 ; h_2 ; d_2 ; d_3 theo H_{14} ; D_1 ; D_6 theo h_{14} theo TCVN 2245 : 1977.

5 Sai lệch giới hạn không chỉ dẫn của những kích thước trên hình vẽ phải phù hợp cấp chính xác của mâm cặp TCVN 4277 : 1986.

6 Theo yêu cầu của khách hàng cho phép tăng số lượng lỗ d_2 ứng với đầu trục chính có bích theo TCVN 4229 : 1986.

7 Cho phép tăng kích thước H đối với mâm cặp kẹp trực tiếp vào đầu trục chính có bích theo TCVN 4229 : 1986 và TCVN 4230 : 1986.

8 Những yêu cầu kỹ thuật còn lại theo TCVN 4229 : 1986
